

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/DS-ST
Ngày: 30-11-2023.
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM YẾN NHƯ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG

2. Ông LÊ VĂN HOÀNG

- Thư ký phiên tòa: Bà VY TRẦN BẢO PHƯƠNG - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2023/TLST – DS ngày 05 tháng 07 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 và thông báo về việc dời thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Hà Thị T**, sinh năm 1973; Trú tại: Tổ 17, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Vy H**, sinh 1968 và bà **Lò Thị T** (tên gọi ở nhà là T), sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 144, đường P, thị trấn L, huyện Đ, Lâm Đồng.

Tại phiên tòa bà T có mặt; Bị đơn bà T có mặt, ông Vy H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các bản khai nguyên đơn bà T trình bày:*

Vào ngày 22.6.2020 tôi có cho vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H mượn số tiền 250.000.000đ để làm ăn, hẹn 01 tháng sau trả đủ tiền gốc, lãi suất theo Ngân hàng. Đến hẹn không trả được nên xin trả mỗi tháng trả 10-15 triệu đồng nhưng cũng không trả được tiền gốc cũng như không trả được đồng tiền lãi nào.

Ngày 12.03.2022 tôi có cho chồng bà T là ông Vy H mượn số tiền 150.000.000đ để làm ăn, hẹn 01 tháng sẽ trả, lãi suất Ngân hàng nhưng đến hẹn cũng không trả được. Tôi có yêu cầu vợ chồng bà T ông H trả mỗi tháng 10-15 triệu nhưng cũng không trả.

Vậy tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết buộc ông H bà T trả lại cho tôi số tiền gốc 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng 1%/tháng, cụ thể: 250.000.000đ từ 20.6.2020 đến hết tháng 10/2023 là 40 tháng, thành tiền lãi là $(250.000.000đ \times 1\%) \times 40 \text{ tháng} = 100.000.000đ$ và 150 triệu từ 12.03.2022 đến nay là 19 tháng: $(150.000.000đ \times 1\%) \times 19 \text{ tháng} = 28.500.000đ$. Tổng cộng tiền lãi là $100.000.000đ + 28.500.000đ = 128.500.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H phải trả cho tôi là $400.000.000đ + 128.500.000đ = 528.500.000đ$.

** Bị đơn vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H trình bày: Theo bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt.*

1. Tôi công nhận vợ chồng tôi có vay bà Hà Thị T số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) như giấy mượn tiền ngày 22/06/2020 cô T nộp Toà án nhưng thực chất cô T đưa cho tôi trả theo góp ngày. Trong 250.000.000đ trên là cô T có lấy lãi trước. Sau đó cô T cho tôi trả dần 10.000.000đ một tháng cho đến hết, không tính lãi nữa vì tôi đã trả lãi nhiều rồi, 1000.000đ/100.000.000đ/ngày. Sau đó tôi đã trả dần bớt tiền gốc đến ngày 07.10.2021 được 150.000.000đ. Hiện chỉ còn nợ tiền gốc 100.000.000đ theo giấy mượn tiền, không tính lãi nữa vì trong giấy mượn tiền đã có tiền lãi. Do kinh tế gặp khó khăn nên vợ chồng tôi chưa trả được (có tin nhắn và sao kê kèm theo).

2. Tôi công nhận vợ chồng tôi có vay bà Hà Thị T số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) như giấy mượn tiền ngày 12/03/2022 cô T nộp Toà án. Thực chất giấy này là giấy chốt nợ đã có cả tiền lãi là 20.000.000đ, chúng tôi mượn nhiều lần, đã trả lãi đầy đủ, còn nợ gốc chỉ là 130.000.000đ. Hẹn trong 01 tháng trả, đóng góp hàng ngày để trả đủ số tiền 150.000.000đ. Tôi đã trả dần đến ngày 03.05.2022 chốt lại còn 33.000.000đ thì cô T cho người đến lấy máy massage khi tôi mua giá 90.000.000đ để trừ số nợ 33.000.000đ cho hết số nợ 150.000.000đ. Có tin nhắn và sao kê kèm theo.

Nay bà Hà Thị T kiện buộc vợ chồng tôi trả số tiền gốc 400.000.000đ + tiền lãi 128.500.000đ = 528.500.000đ. Chúng tôi không đồng ý, chúng tôi chỉ còn nợ 100.000.000đ gốc, trong đó đã có tiền lãi.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu vợ chồng bà T ông H phải trả lại cho bà số tiền gốc 400.000.000đ và tiền lãi 100.000.000đ. Bà T không đồng ý, chỉ đồng ý trả 100.000.000đ trong đó đã có cả tiền lãi. Ông H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát huyện Đ phát biểu:*

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, thực hiện đúng các yêu cầu về trình tự thủ tục từ khai mạc phiên tòa, thủ tục xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 68, 70, 71 BLTT dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T, buộc vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H phải trả cho bà Thuỷ số tiền gốc 130.000.000đ cùng tiền lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà Hà Thị T và bị đơn vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về tố tụng: Đối với bị đơn ông Vy H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

1. *Yêu cầu về tiền gốc:* Bà T yêu cầu vợ chồng ông H bà T trả số tiền gốc 400.000.000đ tiền gốc: 250.000.000đ theo giấy chót nợ ngày 22/06/2020 và 150.000.000đ (giấy chót nợ ngày 12/03/2022).

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H đều thừa nhận có nợ bà Thuỷ 02 khoản nợ 250.000.000đ theo giấy chót nợ ngày 22/06/2020 (Bà T ký) và 150.000.000đ giấy chót nợ ngày 12/03/2022 (Ông H ký). Tuy nhiên về phần trả nợ các bên tranh chấp:

* *Bị đơn:* Số nợ 150.000.000đ chót ngày 12/3/2022 ông H đã trả hết theo tin nhắn ngày 2/5/2022 chót đã trả 117 triệu (có tin nhắn), còn 33 triệu bà Thuỷ cho người đến lấy máy Massage (trị giá 90 triệu) cản trừ hết, không còn nợ.

Số nợ 250.000.000đ theo giấy chót nợ ngày 22/06/2020 bà T đã trả được 150.000.000đ, chỉ còn nợ 100.000.000đ theo tin nhắn và sao kê Ngân hàng.

Ngoài ra không còn khoản nợ nào nữa.

* *Nguyên đơn:* Bà T công nhận sao kê Ngân hàng, công nhận số TK 0561000519367 bà T xuất trình là của bà và tin nhắn ngày 2/5/2022 chót 117 triệu, còn 33 triệu có lấy máy Massage cản trừ. Nhưng là trừ vào khoản tiền góp 131.000.000đ đưa cho ông H cùng ngày 12/3/2022 mà không viết giấy vay.

- Đối với sao kê của bà T, bà T cũng công nhận nhưng là trừ vào khoản nợ 270.000.000đ đây góp không viết giấy.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, sự thừa nhận của bị đơn cũng như nguyên đơn, quá trình đối chất tại phiên toà xác định được giữa hai bên đã chốt nợ: vợ chồng bà T ông H chỉ còn nợ bà T 02 khoản tiền: Một là 150.000.000đ (giấy chốt nợ ngày 12/03/2022) và 250.000.000đ như giấy mượn tiền ngày 22/06/2020. Qua đối chất các tin nhắn, sao kê Ngân hàng mà bà T thừa nhận thì vợ chồng ông H bà T đã trả hết khoản nợ 150.000.000đ, còn khoản nợ 250.000.000đ đã trả được 120.000.000đ vào ngày 07/10/2021 theo sao kê. Bà T cho rằng những khoản tiền này trả vào các khoản nợ không ghi giấy tờ là không có cơ sở chấp nhận. Do vậy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, vợ chồng bà T ông H có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 130.000.000đ.

*** Về lãi suất:** Bà T yêu cầu tính lãi trên số nợ gốc 400.000.000đ, thành tiền lãi là 100.000.000đ. Yêu cầu tính lãi của bà T được chấp nhận nhưng chỉ được tính trên số nợ gốc bà T ông H phải trả là 130.000.000đ. Do trên giấy chốt nợ không có lãi suất nên mức lãi suất được áp dụng theo khoản 2 Điều 468 là 0.833%/tháng, tính từ 07/10/2021 cho đến ngày xét xử 30.11.2023 làm tròn là 26 tháng. Cụ thể $(130.000.000đ \times 0.833\%) \times 26 \text{ tháng} = 28.155.000đ$.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, qua xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hà Thị T. Buộc vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị T số tiền gốc 130.000.000đ và 28.155.000đ là có căn cứ đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bà Thuỷ là $(158.155.000đ \times 5\%) = 7.907.000đ$ án phí.

Bà Thuỷ phải chịu án phí trên phần yêu cầu bị bác là: $(270.000.000đ + 71.845.000) \times 5\% = 17.092.000đ$. Cấn trừ số tiền 12.168.000đ bà Hà Thị T đã nộp tạm ứng, bà T phải nộp thêm 4.924.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 232, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị T. Buộc vợ chồng bà Lò Thị T ông Vy H có nghĩa vụ trả cho bà Hà Thị T số tiền gốc 130.000.000 đồng và tiền lãi 28.155.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 158.155.000đ (Một trăm năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Về án phí: Vợ chồng bà T ông H phải chịu 7.907.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Bà T phải chịu 17.092.000đ án phí DSST. Cấn trừ số tiền 12.168.000đ bà Hà Thị T đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014462 ngày 29/6/2023, bà T phải nộp thêm 4.924.000đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà Hà Thị T, bà Lò Thị T có quyền kháng cáo, ông Vy H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Lâm Đồng.
- VKS H.Đ, T. Lâm Đồng.
- Chi cục THA dân sự H.Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Yến Như